

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 12/ĐK
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1020 /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 42 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN
TẠI DỰ ÁN CHUNG CƯ SỐ 334 TÔ HIỂN THÀNH, PHƯỜNG 14, QUẬN 10

Kính gửi: Đội Thuế Quận 10.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ: <i>theo danh sách đính kèm 42 hồ sơ.</i> 1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 09 tháng 4 năm 2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: <i>theo danh sách đính kèm 42 hồ sơ.</i> 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ: 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất: 3.1.1. Thửa đất số: 6 ; Tờ bản đồ số: 6 (tờ bản đồ cũ số: 6,7); 3.1.2. Địa chỉ tại: số 334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10. 3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: - Đường/đoạn đường/khu vực: đường Tô Hiến Thành (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Thành Thái) - Vị trí thửa đất: vị trí 1.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: 11.415,0m²

- Diện tích sử dụng chung: 11.415,0m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT59686 ngày 21 tháng 12 năm 2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: **theo danh sách đính kèm 42 hồ sơ**; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: /diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung; Diện tích sở hữu riêng:.....m²;

3.2.5. Số tầng: 30 tầng + 02 hầm.

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: năm 2020.

Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....
- Lệ phí trước bạ:

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Đính kèm 42 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:
 - + Hợp đồng mua bán, văn bản chuyển nhượng.
 - + Biên bản bàn giao nhà.
 - + Bản vẽ sơ đồ căn hộ.
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Giám đốc Sở (để b/c);
 - Trung tâm Công nghệ thông tin (để đăng tin);
 - Công ty CP Kingdom Đông Dương;
 - Ban Quản trị chung cư;
 - Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.
- HS: 95/2025. *ngl*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓


Thân Thế Hùng

DANH SÁCH 42 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TẠI DỰ ÁN KHU CĂN HỘ - TRUNG TÂM
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỒNG ĐƯƠNG TẠI SỐ 334 TÔ HIỂN THÀNH, PHƯỜNG 14, QUẬN 10

Đính kèm Phiếu chuyển số:1020/PC-VPĐK-ĐK ngày 16/4/2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

STT	Số biên nhận	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Mã căn hộ theo cấp số nhà	Tầng số	Diện tích sử dụng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Loại căn hộ
1	95	Ông HOÀNG NAM BÌNH Ngày sinh: 18/09/1976; CCCD số: 079076015862 Địa chỉ thường trú: QQ 7-8-9 Ba Vi, Phường 15, Quận 10, TP. HCM Bà BUI THANH MAI Ngày sinh: 22/07/1987; CCCD số: 036187003770 Địa chỉ thường trú: QQ 7-8-9 Ba Vi, Phường 15, Quận 10, TP. HCM	D03.08	A03.08	Tầng 3	65.6	70.4	Căn hộ ở
2	97	Bà HUỖNH BẢO TRẦN Ngày sinh: 28/12/1980; CCCD số: 089180000200 Địa chỉ thường trú: 673-675 (lầu 3) Lê Hồng Phong, Phường 10, Quận 10, TP. HCM	D3A.02	A04.02	Tầng 4	54	60.8	Căn hộ ở
3	98	Ông NGUYỄN LÊ DUY Ngày sinh: 07/10/1995; CCCD số: 056095012448 Địa chỉ thường trú: 67 Nguyễn Bình Khiêm, Xương Huân, Nha Trang, Khánh Hòa	D05.01	A05.01	Tầng 5	62.6	68.9	Căn hộ ở
4	99	Ông PHẠM NGỌC CƯỜNG Ngày sinh: 03/08/1980; CCCD số: 079080011821 Địa chỉ thường trú: 002 Lô O chung cư Nguyễn Kim, Phường 07, Quận 10, TP. HCM Bà KIM ĐẶNG NGỌC THẢO Ngày sinh: 19/08/1982; CCCD số: 079182028075 Địa chỉ thường trú: 130 Lô C, Chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, TP. HCM	D06.01	A06.01	Tầng 6	62.6	68.9	Căn hộ ở
5	100	Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG Ngày sinh: 23/06/2006; CCCD số: 075206007867 Địa chỉ thường trú: 33C3 Khu phố 11, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	D06.03	A06.03	Tầng 6	71.2	76	Căn hộ ở
6	101	Ông NGUYỄN KHẮC THÁI Ngày sinh: 15/10/1938; CCCD số: 042038000036 Địa chỉ thường trú: Lô 10 - B2 - ĐTM Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội Bà NGUYỄN THỊ YẾN Ngày sinh: 19/01/1948; CCCD số: 034148003631 Địa chỉ thường trú: B2 - Lô 10 - ĐTM Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	D06.06	A06.06	Tầng 6	91.6	99.2	Căn hộ ở
7	103	Bà NGUYỄN TRẦN TÓ TRẦN Ngày sinh: 21/09/1984; CCCD số: 096184005243 Địa chỉ thường trú: 62/17 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. HCM	D12.11	A12.11	Tầng 12	69.6	75.2	Căn hộ ở
8	104	Ông NGUYỄN ĐỨC LONG Ngày sinh: 20/10/1960; CCCD số: 001060046870 Địa chỉ thường trú: 238 Nhật Tảo, Phường 08, Quận 10, TP. HCM Bà TRỊNH THỊ HỒNG DIỆP Ngày sinh: 04/01/1965; CCCD số: 001165043569 Địa chỉ thường trú: 238 Nhật Tảo, Phường 08, Quận 10, TP. HCM	D12A.08	A12A.08	Tầng 13	65.4	70.4	Căn hộ ở

STT	Số biên nhận	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Mã căn hộ theo cấp số nhà	Tầng số	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Loại căn hộ
9	105	Ông NGUYỄN THANH TÙNG Ngày sinh: 29/01/1992; CCCD số: 031092009370 Địa chỉ thường trú: 23 Ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội Bà NGUYỄN BÍCH THỦY Ngày sinh: 02/11/1991; CCCD số: 001191021131 Địa chỉ thường trú: MIC 1907-T19-Hồ Gươm, Khu đô thị Mỗ Lao, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	D14.03A	A14.04	Tầng 14	65.4	71	Căn hộ ở
10	140	Ông NGUYỄN NAM HÙNG Ngày sinh: 19/02/1988; CCCD số: 001088016428 Địa chỉ thường trú: 66 Quán Sứ, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Bà LÊ THỊ KIÊM PHƯỢNG Ngày sinh: 14/12/1985; CCCD số: 049185007647 Địa chỉ thường trú: Khu phố số 1, Hà Lam, Thăng Bình, Quảng Nam	D15.06	A15.06	Tầng 15	91.6	99.2	Căn hộ ở
11	107	Bà TRẦN LÊ HỒNG NGỌC Ngày sinh: 13/12/1983; CCCD số: 046183013155 Địa chỉ thường trú: 402, Lô A1, Chung cư Hòa Bình, Phường 14, Quận 10, TP. HCM	D17.02	A17.02	Tầng 17	54	60.8	Căn hộ ở
12	108	Ông VÕ ANH TUẤN Ngày sinh: 15/07/1983; CCCD số: 052083000130 Địa chỉ thường trú: 111/59 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Bà NGUYỄN THỊ NGUYỄN HẠNH Ngày sinh: 13/08/1983; CCCD số: 052183000165 Địa chỉ thường trú: 111/59 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	D21.03A	A21.04	Tầng 21	65.4	71	Căn hộ ở
13	109	Ông NGUYỄN MINH THẮNG Ngày sinh: 15/02/1989; CCCD số: 079089002408 Địa chỉ thường trú: 145/38/13 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, TP. HCM Bà NGUYỄN NGỌC HUYỀN VY Ngày sinh: 16/01/1990; CCCD số: 079190038031 Địa chỉ thường trú: 148 Lô B, C/c Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, TP. HCM	D22.08	A22.08	Tầng 22	65.6	70.4	Căn hộ ở
14	110	Ông LÂM CHÂU TIẾT Ngày sinh: 15/03/1970; CCCD số: 079070026555 Địa chỉ thường trú: 46 Đường số 5A, cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. HCM	D24.07	A24.07	Tầng 24	66.1	71	Căn hộ ở
15	111	Ông NGUYỄN NHẬT ANH Ngày sinh: 02/06/2000; CCCD số: 089200023288 Địa chỉ thường trú: Châu Quới 3, Châu Phú B, TP. Châu Đốc, An Giang	D28.01	A28.01	Tầng 28	62.6	68.9	Căn hộ ở
16	112	Ông PHAN ĐỨC TRÍ Ngày sinh: 12/01/1987; CCCD số: 056087003596 Địa chỉ thường trú: 64/4 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Bà ĐỖ THỊ KIỀU GIANG Ngày sinh: 08/09/1990; CCCD số: 052190008347 Địa chỉ thường trú: 64/4 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	D29.02	A29.02	Tầng 29	54	60.8	Căn hộ ở
17	113	Ông BUI MINH ĐỨC Ngày sinh: 13/05/1986; CCCD số: 079086019802 Địa chỉ thường trú: 824/28M Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. HCM Bà LÊ THỊ BẠCH NGÂN Ngày sinh: 16/09/1996; CCCD số: 077196009564 Địa chỉ thường trú: 824/28M Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. HCM	D29.07	A29.07	Tầng 29	66.1	71	Căn hộ ở

STT	Số biên nhận	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Mã căn hộ theo cấp số nhà	Tầng số	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Loại căn hộ
18	114	Bà NGUYỄN THỊ THỦY LINH Ngày sinh: 28/02/1970; CCCD số: 051170002995 Địa chỉ thường trú: Thôn Phước Thịnh, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi	K05.03A	B05.04	Tầng 5 và 6	82.2	90.9	Căn hộ ở
19	115	Ông PHẠM THANH LONG Ngày sinh: 11/03/1994; CCCD số: 042094012009 Địa chỉ thường trú: Xuân Phổ, Nghi Xuân, Hà Tĩnh Bà TRẦN THỊ TRÀ MY Ngày sinh: 25/10/1994; CCCD số: 042194017246 Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Phúc, Đan Trường, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	K08.03	B08.03	Tầng 8	68.9	75.2	Căn hộ ở
20	116	Ông PHAN VIỆT HÙNG Ngày sinh: 19/08/1981; CCCD số: 042081015368 Địa chỉ thường trú: CH 1903A5, 422 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM Bà PHẠM MINH ANH Ngày sinh: 30/11/1981; CCCD số: 001181048169 Địa chỉ thường trú: CH 1903A5, 422 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM	K10.07	B10.07	Tầng 10	44.4	48.8	Căn hộ ở
21	117	Bà VÕ NGỌC MỸ NGÂN Ngày sinh: 28/12/1998; CCCD số: 079198018399 Địa chỉ thường trú: 322/10/11 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, TP. HCM	K12.03A	B12.04	Tầng 12	44.4	48.8	Căn hộ ở
22	118	Ông NGUYỄN UY VIÊN Ngày sinh: 05/11/1983; CCCD số: 056083000100 Địa chỉ thường trú: 13 Bùi Thế Mỹ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. HCM Bà NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG Ngày sinh: 20/02/1985; CCCD số: 017185009126 Địa chỉ thường trú: 56 Nguyễn Thái Học, Vạn Thạnh, Nha Trang, Khánh Hòa	K14.06	B14.06	Tầng 14	71.9	77.3	Căn hộ ở
23	119	Bà LÝ VINH AN Ngày sinh: 11/11/1977; CCCD số: 079177024252 Địa chỉ thường trú: 117/6 An Bình, Phường 6, Quận 5, TP. HCM	K17.03A	B17.04	Tầng 17	44.4	48.8	Căn hộ ở
24	120	Ông NGUYỄN ĐĂNG QUANG Ngày sinh: 04/03/2005; CCCD số: 068205000007 Địa chỉ thường trú: 20 Đường 7, Khu phố 33, Phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM	K19.01	B19.01	Tầng 19	65.1	71	Căn hộ ở
25	121	Ông NGUYỄN THANH TÙNG Ngày sinh: 25/06/1962; CCCD số: 042062004222 Địa chỉ thường trú: 173 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP. HCM Bà NGUYỄN THÚY NGÀ Ngày sinh: 23/10/1968; CCCD số: 001168034110 Địa chỉ thường trú: 173 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP. HCM	K30.03A	B30.04	Tầng 30	44.4	48.8	Căn hộ ở
26	123	Ông NGUYỄN THÁI HÀO Ngày sinh: 05/05/1991; CCCD số: 079091019312 Địa chỉ thường trú: 606/2/5 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP. HCM Bà LÊ THỊ HIỀN Ngày sinh: 25/07/1990; CCCD số: 038190010839 Địa chỉ thường trú: 606/2/5 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP. HCM	M07.02	C07.02	Tầng 7	53.7	60.8	Căn hộ ở

STT	Số biên nhận	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Mã căn hộ theo cấp số nhà	Tầng số	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Loại căn hộ
27	124	Ông TRẦN NGỌC DŨNG Ngày sinh: 21/10/1989; CCCD số: 042089016743 Địa chỉ thường trú: B12.01 Chung cư Tân Phú, số 318/5 Trịnh Đình Trọng, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG TRANG Ngày sinh: 22/12/1988; CCCD số: 066188011881 Địa chỉ thường trú: B12.01 Chung cư Tân Phú, số 318/5 Trịnh Đình Trọng, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM	M07.08	C07.08	Tầng 7	65.4	70.4	Căn hộ ở
28	125	Ông ĐẶNG LÊ THIÊN LONG Ngày sinh: 03/05/2000; CCCD số: 052200016220 Địa chỉ thường trú: C12-20 Tầng 12, C/C Diamond Riverside, Phường 16, Quận 8, TP. HCM Bà ĐẶNG LÊ MINH NHẬT Ngày sinh: 18/01/2005; CCCD số: 052205001889 Địa chỉ thường trú: C12-20 Tầng 12, C/C Diamond Riverside, Phường 16, Quận 8, TP. HCM	M08.09	C08.09	Tầng 8	65	70.4	Căn hộ ở
29	126	Bà LÊ PHƯƠNG ANH Ngày sinh: 04/04/1984; CCCD số: 079184007915 Địa chỉ thường trú: G1D Trường Sơn, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. HCM	M08.11	C08.11	Tầng 8	69.6	75.2	Căn hộ ở
30	127	Ông NGUYỄN TÂN QUỐC Ngày sinh: 31/03/1976; CCCD số: 079076016677 Địa chỉ thường trú: 343/1D Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP. HCM Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH MAI Ngày sinh: 08/08/1976; CCCD số: 079176035311 Địa chỉ thường trú: 343/1D Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP. HCM	M09.05	C09.05	Tầng 9	91.2	99.2	Căn hộ ở
31	128	Ông ĐỖ ANH VŨ Ngày sinh: 20/09/1978; CCCD số: 052078010890 Địa chỉ thường trú: C09.10 Khu căn hộ TTTMDV Đông Dương, số 334 đường Tô Hiến Thành, khu phố 19, Phường 14, Quận 10, TP. HCM Bà HỒ NỮ DUYỄN QUANG Ngày sinh: 05/11/1979; CCCD số: 052179017245 Địa chỉ thường trú: 22 Hà Huy Tập, Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	M09.10	C09.10	Tầng 9	69.5	75.2	Căn hộ ở
32	129	Ông NGUYỄN THẾ QUANG Ngày sinh: 19/09/1993; CCCD số: 079093026344 Địa chỉ thường trú: 8B Cư xá Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Bà NGÔ GIA TÂM THẢO Ngày sinh: 06/06/1993; CCCD số: 079193023728 Địa chỉ thường trú: 341/7 Nhật Tảo, Phường 6, Quận 10, TP. HCM	M16.03A	C16.04	Tầng 16	65.4	71	Căn hộ ở
33	130	Bà NGUYỄN TOÀN ĐÀN VI Ngày sinh: 19/10/1993; CCCD số: 092193002643 Địa chỉ thường trú: 17 Đường số 14, Phường 04, Quận 08, TP. HCM	M18.02	C18.02	Tầng 18	54	60.8	Căn hộ ở
34	131	Ông PHẠM THẾ HẢO Ngày sinh: 01/02/1978; CCCD số: 079078029089 Địa chỉ thường trú: 5/16 Phùng Tả Chu, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM	M18.07	C18.07	Tầng 18	66.1	71	Căn hộ ở
35	132	Bà BUI THỊ ĐAN PHƯƠNG Ngày sinh: 10/05/1975; CCCD số: 086175000187 Địa chỉ thường trú: 86 Đường 24B, Khu phố 5, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM	M19.03	C19.03	Tầng 19	71	76	Căn hộ ở

STT	Số biên nhận	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Mã căn hộ theo cấp số nhà	Tầng số	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Loại căn hộ
36	133	Ông NGUYỄN NGỌC HUÂN Ngày sinh: 11/11/1977; CCCD số: 015077002105 Địa chỉ thường trú: P2401 Tòa HH1, 90 Nguyễn Tuấn, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, TP. Hà Nội Bà NGUYỄN THỊ THANH MAI Ngày sinh: 21/03/1980; CCCD số: 015180000293 Địa chỉ thường trú: Căn hộ 2401, Tòa nhà HH1, Khu nhà ở 90 Nguyễn Tuấn, số 90 đường Nguyễn Tuấn, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	M19.09	C19.09	Tầng 19	64.8	70.4	Căn hộ ở
37	134	Ông ĐỖ HOÀNG QUÂN Ngày sinh: 21/04/1991; CCCD số: 001091017454 Địa chỉ thường trú: 59 Hà Trung, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Bà HOÀNG THỊ THANH HẰNG Ngày sinh: 25/09/1992; CCCD số: 001192007278 Địa chỉ thường trú: 59 Hà Trung, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	M19.11	C19.11	Tầng 19	69.5	75.2	Căn hộ ở
38	135	Ông TRƯỞNG MINH HÙNG Ngày sinh: 07/11/1980; CCCD số: 082080010838 Địa chỉ thường trú: Ấp Hưng Hòa, Long Hưng, Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	M20.03	C20.03	Tầng 20	71.2	76	Căn hộ ở
39	136	Bà PHẠM THỊ THU HẰNG Ngày sinh: 23/06/1972; CCCD số: 001172034452 Địa chỉ thường trú: TK 18/4 Nguyễn Cảnh Chân, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM	M22.03A	C22.04	Tầng 22	65.4	71	Căn hộ ở
40	137	Ông TRẦN PHƯỚC ĐOÀN Ngày sinh: 15/04/1984; CCCD số: 049084020590 Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng Bà LÊ THỊ Ý NHƯ Ngày sinh: 10/02/1984; CCCD số: 049184019825 Địa chỉ thường trú: 20 Hóa Mỹ, Tổ 65 Khuê Trung, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	M24.03	C24.03	Tầng 24	71.2	76	Căn hộ ở
41	138	Ông PHAN NGUYỄN QUỐC THUẬN Ngày sinh: 24/03/1987; CCCD số: 079087013444 Địa chỉ thường trú: 7.7 Chung cư Lakai, 98-126 Nguyễn Tri Phương, Phường 7, Quận 5, TP. HCM	M30.08	C30.08	Tầng 30	65.6	70.4	Căn hộ ở
42	139	Bà LÊ HỒNG NHUNG Ngày sinh: 30/10/1991; CCCD số: 068191010692 Địa chỉ thường trú: 20 Trần Phú, Thị trấn Liên Nghĩa, Đức Trọng, Lâm Đồng	M30.11	C30.11	Tầng 30	69.6	75.2	Căn hộ ở

